TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày 25-6-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Phước.

Ông Dương Hồng Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLST- DS, ngày 13 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm: 1985 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Đồng bị đơn: 1. Anh Võ Hoàng L, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

2. Chị Huỳnh Thị T, sinh năm: 1983 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện lập ngày 13/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng Th trình bày:

Chị Th có hợp đồng cho vợ chồng anh Võ Hoàng L và chị Huỳnh Thị T vay tiền cụ thể như sau:

- Vào ngày 23/9/2019 chị Th có hợp đồng cho anh L và chị T vay số tiền 5.000.000 đồng, vay không có lãi, thời hạn hợp đồng là đến tháng 02 năm 2020 sau khi thu hoạch tôm thì anh L và chị T sẽ trả lại tiền cho chị Th. Khi hợp đồng thì chị T có làm "Giấy mượn nợ" giao cho chị Th giữ.

- Vào ngày 15/11/2019 chị Th có hợp đồng cho anh L và chị T vay số tiền 10.000.000 đồng, vay không có lãi, thời hạn hợp đồng là đến tháng 02 năm 2020 sau khi thu hoạch tôm thì anh L và chị T sẽ trả lại tiền cho chị Th. Khi hợp đồng thì chị T có làm "Giấy mượn nợ" giao cho chị Th giữ.

- Vào ngày 30/11/2019 chị Th có hợp đồng cho anh L và chị T vay số tiền 20.000.000 đồng, vay không có lãi, thời hạn hợp đồng là đến tháng 02 năm 2020 sau khi thu hoạch tôm thì anh L và chị T sẽ trả lại tiền cho chị Th. Khi hợp đồng thì chị T có làm "Giấy mượn nợ" giao cho chị Th giữ.

- Vào ngày 02/12/2019 chị Th có hợp đồng cho anh L và chị T vay số tiền 10.000.000 đồng, vay không có lãi, thời hạn hợp đồng là đến tháng 02 năm 2020 sau khi thu hoạch tôm thì anh L và chị T sẽ trả lại tiền cho chị Th. Khi hợp đồng thì chị T có làm "Giấy mượn nợ" giao cho chị Th giữ.

- Vào ngày 23/12/2019 chị Th có hợp đồng cho anh L và chị T vay số tiền 10.000.000 đồng, vay không có lãi, thời hạn hợp đồng là đến tháng 02 năm 2020 sau khi thu hoạch tôm thì anh L và chị T sẽ trả lại tiền cho chị Th. Khi hợp đồng thì chị T có làm "Giấy mượn nợ" giao cho chị Th giữ.

Như vậy, anh L và chị T đã vay của chị Th tổng số tiền là 55.000.000 đồng. Khi đến hạn trả nợ thì anh L và chị T không trả tiền cho chị Th theo hợp đồng, chị Th có yêu cầu anh L và chị T trả nợ nhiều lần, nhưng anh L và chị T chỉ hẹn chứ không thực hiện, kéo dài cho đến nay anh L và chị T chưa hoàn trả số tiền nào cho chị Th, nên chị Th khởi kiện yêu cầu anh L và chị T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị Th số tiền vay gốc là 55.000.000 đồng, không tính lãi.

Tại phiên tòa chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh L và chị T trả đủ tiền trong thời gian 01 tuần.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, đồng bị đơn anh Võ Hoàng L và chị Huỳnh Thị T cùng trình bày:

Vợ chồng anh L và chị T có hợp đồng vay của chị Th số tiền 55.0000.000 đồng, về thời gian và các lần vay tiền đúng như chị Th đã trình bày. Tuy nhiên, đây là các hợp đồng vay có lãi, với lãi suất 5%/tháng, chứ không phải vay không có lãi như chị Th đã trình bày, theo hợp đồng thì anh L và chị T sẽ trả tiền lãi hàng tháng, đến tháng 02 năm 2020 thì anh L và chị T sẽ trả tiền vay gốc cho chị Th, khi vay chị T có làm "Giấy mượn nợ" giao cho chị Th. Sau khi vay anh L và chị T có trả tiền lãi hàng tháng tổng cộng là 15.950.000 đồng, nhưng đến tháng 02 năm 2020 thì anh L và chị T không có trả tiền gốc cho chị Th theo hợp đồng, nên chị Th kiện anh L và chị T. Anh L và chị T cùng thống nhất hoàn trả cho chị Th số tiền vay gốc là 55.000.000 đồng, nhưng xin trả dần bằng cách 01 năm trả 6.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trên.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Th yêu cầu anh Võ Hoàng L chị Huỳnh Thị T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị Th số tiền vay gốc là 55.000.000 đồng, không tính lãi suất là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, buộc anh L và chị T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị Th số tiền vay gốc là 55.000.000 đồng, không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2021 của chị Nguyễn Thị Hồng Th thì chị Th yêu cầu anh Võ Hoàng L chị Huỳnh Thị T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị Th số tiền vay gốc là 55.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử xác định lại đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Anh Võ Hoàng L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Hồng Th và vợ chồng anh Võ Hoàng L, chị Huỳnh Thị T cùng xác định có việc anh L và chị T có hợp đồng vay của chị Th 05 lần với tổng số tiền là 55.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện chị Th không cần phải chứng minh.

[2.2] Chị Th cho rằng đây là hợp đồng vay không có lãi; anh L và chị T cho rằng đây là hợp đồng vay có lãi, chị Th không thừa nhận việc này và trong

“Giấy mượn nợ” chị T cũng không có ghi lãi suất trong hợp đồng thì anh L và chị T phải có nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh L và chị T không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của anh L và chị T. Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định anh L và chị T có hợp đồng vay của chị Th 05 lần với tổng số tiền là 55.000.000 đồng, vay không có lãi và kỳ hạn trả nợ vay là tháng 02 năm 2020.

[2.3] Chị Th và anh L, chị T cùng xác định anh L và chị T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, từ khi vay đến nay anh L và chị T chưa hoàn trả số tiền vay gốc nào cho chị Th. Vì vậy anh L và chị T là bên có lỗi và là bên vi phạm hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết của hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th: yêu cầu anh L và chị T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị Th số tiền vay gốc là 55.000.000 đồng, không tính lãi; anh L và chị T cùng thống nhất hoàn trả cho chị Th số tiền 55.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Th là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh L và chị T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị Th số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng.

[4] Đối với tiền lãi trong hợp đồng: anh L và chị T cho rằng đã trả tiền lãi cho chị Th được 15.950.000 đồng, chị Th không thừa nhận việc này. Do anh L và chị T không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc đã trả tiền lãi cho chị Th, nên anh L và chị T không yêu cầu xem xét phần tiền lãi đã trả cho chị Th; chị Th không có yêu cầu tính lãi suất trong hợp đồng này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Đối với ý kiến chị Nguyễn Thị Hồng Th yêu cầu anh Võ Hoàng L và chị Huỳnh Thị T trả đủ số tiền vay gốc là 55.000.000 đồng trong thời gian 01 tuần; ý kiến của anh L và chị T xin trả dần số tiền 55.000.000 đồng bằng cách 01 năm trả 6.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Xét thấy ý kiến của chị Th và anh L, chị T không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Võ Hoàng L và chị Huỳnh Thị T cùng chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Hồng Th số tiền vay gốc là 55.000.000 đồng, không tính lãi. Như đã nhận định ở phần trên, xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Võ Hoàng L và chị Huỳnh Thị T cùng có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ

thẩm là 2.750.000 đồng; chị Nguyễn Thị Hồng Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.375.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006963 ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 17 của Luật phí và lệ phí, ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng Th.

Xử buộc anh Võ Hoàng L và chị Huỳnh Thị T cùng có trách nhiệm hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Hồng Th số tiền 55.000.000 đồng (*năm mươi lăm triệu đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Nguyễn Thị Hồng Th có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Võ Hoàng L và chị Huỳnh Thị T không thực hiện việc trả nợ thì anh L và chị T còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Võ Hoàng L và chị Huỳnh Thị T cùng có trách nhiệm nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.750.000 đồng (*hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*); chị Nguyễn Thị Hồng Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.375.000 đồng (*một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006963 ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dungg.

3. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn, bị đơn chị Huỳnh Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn anh Võ Hoàng L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo